

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 520/2022/DS-PT

Ngày: 09 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1306/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn NĐ1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông NĐ1: Bà Đoàn Thị Thiên Thanh T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 126 Tỉnh lộ 8, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2022)

2. Bà Phan Thị NĐ2, sinh năm 1974 (vắng mặt);
3. Ông Huỳnh Hoàng NĐ3, sinh năm 1994 (vắng mặt);
4. Ông Huỳnh Hoàng NĐ4, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà NĐ2, ông NĐ3, ông NĐ4: Ông Huỳnh Văn NĐ1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện T1, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn BĐ, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 166, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Vĩ C – Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kiến Đạt, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: số 115 Nguyễn Văn N, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị NLQ1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn BĐ, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 166, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp

(Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2022)

2. Ông Huỳnh Thanh NLQ2, sinh năm 2000 (vắng mặt);
3. Ông Huỳnh Thanh NLQ3, sinh ngày 22/8/2003 (vắng mặt);
4. Trẻ Huỳnh Thị Kim Ngân, sinh ngày 16/8/2009;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Ngân:

4.1 Ông Huỳnh Văn BĐ, sinh năm 1978 (có mặt).

4.2 Bà Nguyễn Thị NLQ1, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 166, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp

5. Bà Lê Thị NLQ4, sinh năm 1955 (vắng mặt);
 6. Ông Huỳnh Văn NLQ5, sinh năm 1953 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: Số nhà 166, ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Huỳnh Văn NLQ6, sinh năm 1976 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Phan Văn NLQ7, sinh năm 1976 (vắng mặt);

9. Ông Phan Văn Hớn, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường Trần Hưng Đ, thị trấn Tràm C, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn NĐ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 của ông Huỳnh Văn NĐ1, bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng Tâm, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2020 của ông Huỳnh Văn NĐ1; Tờ tường trình ngày 04/5/2020 của ông Huỳnh Văn NĐ1; Đơn xin rút một phần đơn khởi kiện vào ngày 27/7/2020 của ông Huỳnh Văn NĐ1, bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4; Các Biên bản lấy lời khai của ông Huỳnh Văn NĐ1 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Văn NĐ1 và bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4 do ông NĐ1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích đất của hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 có ranh giáp với đất của hộ ông Huỳnh Văn BĐ đang sử dụng.

Vào năm 1993, ông NĐ1 đã mua của ông Huỳnh Văn U (đã chết) phần đất thổ cư có chiều dài từ mép lộ làng kênh Phước Xuyên trở ra giáp đất ruộng là 58.3 mét, chiều ngang 30 mét.

Trong quá trình giải quyết vụ án và hòa giải, ông NĐ1 trình bày: Vào ngày 01/6/1993, ông NĐ1 có thỏa thuận sang nhượng của ông Huỳnh Văn U (là cha ruột của ông Huỳnh Văn NLQ6) diện tích 2.400m² đất thổ cư. Đất có chiều ngang là 30 mét, chiều dài là 80 mét. Diện tích đất có tứ cận:

+ Mặt tiền (Hướng bắc) giáp lộ làng, tính từ ranh của ông Bé Năm đo qua đến giáp diện tích đất còn lại của ông U có chiều ngang là 30 mét.

+ Hướng đông giáp diện tích đất còn lại của ông U là 80 mét, tính từ kênh Phước Xuyên về hướng hậu giáp với đê Thanh Niên (cũng thuộc đất của ông U).

+ Hướng nam tính từ ranh ông Bé Năm đến giáp diện tích đất còn lại của ông U là 30 mét.

+ Hướng tây giáp với đất ông Bé Năm có chiều dài là 80 mét, tính từ mé kênh Phước Xuyên chạy thẳng ra sau hậu giáp với đê Thanh Niên.

Khi sang nhượng đất, hai bên không làm giấy tờ (có khi ông NĐ1 trình bày có giấy tờ nhưng bị thất lạc), ông U chỉ nói miệng sang nhượng cho ông

NĐ1 chiều ngang 30 mét, chiều dài 80 mét và không tiến hành đo đạc thực tế. Ông U giao đất cho ông NĐ1 không đo đạc mà chỉ vị trí phần đất sang nhượng cho ông NĐ1.

Đến ngày 25/9/1998, ông NĐ1 đã có Tờ khai nguồn gốc đất và ngày 09/01/1999 Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 diện tích đất 1.750m² thuộc thửa số 134, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: T. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Giá trị đất sang nhượng cụ thể là bao nhiêu, do lâu quá nên ông NĐ1 không nhớ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, ông NĐ1 trình bày: Ông NĐ1 chuyển nhượng của ông U diện tích đất 2.400m² nhưng do khi tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng thì Ủy ban nhân dân xã không cho ông NĐ1 đăng ký từ lộ làng trở ra phía kênh Phước Xuyên và trừ mốc lộ giới nên diện tích đất mà ông NĐ1 được cấp còn lại là 1.750m². Thời điểm ông NĐ1 kê khai và đăng ký quyền sử dụng, lộ làng còn là lộ đất. Sau đó, Nhà nước bỏ lộ đất, làm lộ nhựa như hiện nay. Lộ đất trước đây cách lộ nhựa hiện nay khoảng 05 mét. Lộ nhựa nằm phía trong lộ đất trước đây, lấn vào đất ông NĐ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 05 mét.

Sau khi sang nhượng đất, ông NĐ1 có cất 01 căn trại nhỏ (ở giữa đất) trên một phần diện tích đất để chứa vật tư nông nghiệp, sản xuất lúa. Diện tích đất còn lại ông NĐ1 bỏ trống, không sử dụng vào việc gì. Riêng diện tích đất đang tranh chấp, ông U vẫn canh tác lúa. Ông NĐ1 không sử dụng phần diện tích đất tranh chấp. Riêng diện tích đất thổ cư, ông NĐ1 cho 02 người em vợ là Phan Văn NLQ7 và Phan Văn Hón mượn cất trại để canh tác lúa. Khi ông NĐ1 còn canh tác đất lúa (Diện tích đất khác), phía ông BĐ chưa sử dụng diện tích đất tranh chấp. Đến khi ông NĐ1 cho thuê đất lúa vào năm 2000, phía ông BĐ mới chiếm sử dụng diện tích đất tranh chấp. Sau đó, ông BĐ còn đào hầm (không biết thời gian đào) nhưng đến năm 2017 ông NĐ1 mới phát hiện.

Vào ngày 07/8/2014, hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 có Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng và ngày 25/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 diện tích đất 1.750m² thuộc thửa số 134, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn.

Nay ông NĐ1 cùng các nguyên đơn yêu cầu:

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất có chiều ngang trước là 03 mét, chiều ngang sau là 3.2 mét, chiều dài một cạnh là 48.3 mét, một cạnh là 54 mét trong phạm vi các mốc 2 – 3 – 6 – 13 – 14 – 8 – 2 với tổng diện tích là 162m², thuộc 01 phần thửa 135, tờ bản đồ số 4. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Yêu cầu ông Huỳnh Văn NLQ6 phải trả lại đất bị lấn chiếm là phần hằm có diện tích 478m², thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 4, hiện do hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc 9 – 10 – 14 – 7 – 8 – 9 (Kèm theo Sơ đồ đo đạc bổ sung hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/01/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông).

- Ông NĐ1 yêu cầu ông NLQ6 phải trả bồi thường phần đất đã lấy đi (đào hằm) với khối lượng là 234 mét khối, giá trị là 100.000 đồng/khối, thành tiền là 23.400.000 đồng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/5/2017, trong các nguyên đơn có anh Huỳnh Hoàng Tâm, sinh ngày 15/9/1991 (Là con ruột của ông NĐ1 và bà NĐ2) nhưng vào ngày 16/02/2020, anh Tâm đã chết do bệnh. Anh Tâm kết hôn vào năm 2016 nhưng vào năm 2017 đã ly hôn, không có con chung. Nay ông NĐ1 và bà NĐ2, ông NĐ3, ông NĐ4 có ông NĐ1 đại diện theo ủy quyền xác định: Anh Tâm đã chết nên quyền khởi kiện cũng chấm dứt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông NĐ1 và bà NĐ2, ông NĐ3, ông NĐ4 có ông NĐ1 đại diện theo ủy quyền có thay đổi yêu cầu và địa vị tố tụng của đương sự, cụ thể:

+ Ông Huỳnh Văn BĐ là bị đơn của vụ án.

+ Ông NĐ1 khẳng định: Diện tích đất tranh chấp do ông Huỳnh Văn BĐ trực tiếp đào hằm và đang sử dụng. Ông BĐ là người làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông NĐ1. Ông Huỳnh Văn NLQ6 chỉ là người được thừa kế tài sản của ông U, bà Thanh và không trực tiếp sử dụng đất tranh chấp, cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của hộ ông NĐ1.

Do ông NĐ1 không hiểu biết nên khi được chính quyền địa phương hướng dẫn việc khởi kiện, ông NĐ1 đã làm theo. Nay hộ ông NĐ1 khởi kiện và yêu cầu ông BĐ trả lại diện tích đất tranh chấp, đồng thời bồi thường thiệt hại.

* Theo Đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 của ông Huỳnh Văn BĐ; Tờ tường trình “V/v trình bày sự việc trong vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất” của ông Huỳnh Văn BĐ; Các Biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Văn BĐ của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, ông BĐ trình bày:

Vào khoảng năm 1997 – 1998, ông Huỳnh Văn NLQ5 là cha ruột của ông BĐ có sang nhượng của ông Huỳnh Văn U một phần diện tích đất lúa khoảng 30 công. Diện tích đất lúa ông NLQ5 sang nhượng của ông U có một cạnh giáp với đất ông U sang cho ông NĐ1. Sau khi sang nhượng đất, ông NLQ5 cũng sử dụng làm lúa. Đến năm 2005 – 2006, Hợp tác xã đào đường nước cắt diện tích đất của ông NLQ5 thành 02 phần: Phần thứ nhất giáp đất của ông NĐ1 có diện tích khoảng 500m². Sau khi Hợp tác xã đào đường nước, diện tích đất phía ngoài

khoảng 500m² do chuột cắn phá, không canh tác được nên ông NLQ5 cho lại ông BÐ đào hầm nuôi cá.

Diện tích đất tranh chấp hiện nay ông BÐ đào hầm và đang nuôi cá, không biết vì sao ông NĐ1 được kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, ông BÐ trình bày: Vào ngày 30/4/2001, ông BÐ sang nhượng của ông U diện tích đất thổ cư có chiều ngang 32 mét, giá trị đất là 32 chỉ vàng 24k và có làm 02 giấy tay, ông NĐ1 có ký tên giáp ranh. Diện tích đất có tứ cận: Hướng đông giáp đất ông Huỳnh Văn NLQ6; Hướng Tây giáp đất ông Huỳnh Văn NĐ1; Hướng nam giáp đất ông Huỳnh Văn NLQ5; Hướng bắc giáp kênh Phước Xuyên. Sau khi sang nhượng đất, ông BÐ tiến hành san lấp, tôn cao nền đất, trồng cây và cất nhà ở cho đến nay. Khi ông BÐ chuẩn bị làm thủ tục sang tên thì ông U chết. Ông NLQ6 làm thủ tục thừa kế và khi làm thủ tục cho ông BÐ đứng tên thì ông NĐ1 tranh chấp.

Ngoài ra, ông BÐ còn trình bày: Diện tích đất đào hầm là do ông U sang nhượng cho ông NLQ5 từ giáp đất phía sau hậu của ông NĐ1 trở ra phía sau khoảng 11.000m². Sau khi sang đất, ông NLQ5 quản lý và sử dụng để trồng lúa, do đất này làm lúa bị chuột cắn phá nên ông NLQ5 cho lại ông BÐ. Sau khi được cho đất, ông BÐ có sử dụng được 1 - 2 năm nhưng không hiệu quả nên ông BÐ đào hầm nuôi cá (Đào hầm cách nay khoảng 16 năm), lấy đất đắp lên nền nhà. Ông NLQ5 sang nhượng đất của ông U, ông NĐ1 biết nhưng không có ý kiến, không có tranh chấp. Đến năm 2019, ông NĐ1 cho rằng ông BÐ lấn chiếm đất nên đã phát sinh tranh chấp.

Vì vậy, ông BÐ không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ông Huỳnh Văn BÐ khởi kiện ông NĐ1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 478m² thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 để ông BÐ đăng ký lại quyền sử dụng đất. Diện tích đất nói trên trong phạm vi các mốc 9 – 10 – 14 – 7 – 8 – 9 (Kèm theo Sơ đồ đo đạc bổ sung hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/01/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông BÐ xác định: Diện tích đất tranh chấp do ông BÐ và hộ gia đình ông BÐ quản lý và sử dụng.

* Theo các Biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Văn NLQ6 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/01/2022, ông NLQ6 trình bày:

Ông Huỳnh Văn U và bà Trương Thị Thanh là cha mẹ ruột của ông NLQ6.

Ông Huỳnh Văn U chết vào ngày 22/01/2010. Bà Trương Thị Thanh chết vào ngày 17/02/2010. Ông U và bà Thanh chết không để lại di chúc.

Vào năm 1993, ông U có chuyển nhượng cho ông NĐ1 một phần đất để cất nhà ở. Khi ông U sang nhượng đất cho ông NĐ1 có chỉ ranh cụ thể và vị trí đất hiện nay phù hợp với vị trí đất mà ông U sang nhượng, giá trị đất là 01 chỉ vàng 24k. Hai bên có làm giấy tay mua bán đất.

Sau khi nhận đất ở, ông NĐ1 còn mua thêm đất khác, cất trại ở và canh tác lúa.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, ông NLQ6 trình bày: Khi ông U sang nhượng đất cho ông NĐ1 có chỉ ranh: Chiều ngang từ ranh đất của ông Bé Năm đến giáp hàng tre do ông U trồng (Hiện nay là hàng rào của ông BĐ), chiều dài từ lộ làng trở ra sau hậu giáp đất ruộng của ông U (Hiện nay là bờ hằm của ông BĐ).

Nguồn gốc đất hiện nay ông Huỳnh Văn BĐ đang quản lý, sử dụng trong đó có diện tích đất đang tranh chấp là của ông Huỳnh Văn U chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn NLQ5 (là cha ruột của ông BĐ) vào khoảng năm 1997 - 1998.

Diện tích đất mà ông U sang nhượng cho ông NĐ1 được tính từ lộ làng cũ (cấp kênh Phước Xuyên). Trong quá trình sử dụng, kênh Phước Xuyên bị sạt lở nên lộ làng đã lấn vào diện tích đất của ông NĐ1 như hiện nay.

Ông NLQ6 khẳng định: Diện tích đất đang tranh chấp (cái hằm) là do ông U chuyển nhượng cho ông NLQ5. Ông NLQ5 cho lại ông BĐ đào hằm sử dụng từ năm 2000 đến nay.

Vì vậy, ông NLQ6 không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn bởi vì diện tích đất tranh chấp do ông Huỳnh Văn U đã sang nhượng cho gia đình ông NLQ5 và gia đình ông BĐ (Con ông NLQ5) đã sử dụng ổn định.

* Theo Biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Văn NLQ5 và bà Lê Thị NLQ4 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông; Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông NLQ5 và bà Hưởng trình bày:

Ông NLQ5 và bà Hưởng là cha mẹ ruột của ông BĐ.

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông NĐ1 và ông BĐ hiện nay là do ông Huỳnh Văn U (Là cha ruột của ông NLQ6) sang nhượng cho ông NLQ5. Ông NLQ5 sử dụng đất đến năm 2005 – 2006, sau đó cho lại ông BĐ sử dụng đến nay. Ông NLQ5 sang nhượng từ ông U khoảng 6,5 công đất lúa (Trong đó có diện tích đất tranh chấp). Trước khi ông NLQ5 sang nhượng đất này, ông U đã sử dụng trồng lúa, không phải là đất ở (thổ). Sau khi được ông NLQ5 cho đất, ông BĐ tiếp tục trồng lúa khoảng 02 năm mới đào hằm nuôi cá.

Việc ông NLQ5 và ông BÐ sử dụng đất tranh chấp, ông NĐ1 biết nhưng không có ngăn cản và tranh chấp. Vì vậy, ông NĐ1 yêu cầu ông BÐ trả lại diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ và không phù hợp.

Đất tranh chấp đều do gia đình ông NLQ5, sau này là ông BÐ trực tiếp sử dụng lâu dài, ổn định và không có tranh chấp. Hộ ông NĐ1 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông BÐ đứng tên diện tích đất mới phù hợp.

* Bà Nguyễn Thị NLQ1 trình bày ý kiến:

Bà NLQ1 là vợ của ông Huỳnh Văn BÐ. Huỳnh Thông NĐ4, Huỳnh Thanh NLQ3 và Huỳnh Thị Kim Ngân là con ruột của ông BÐ và bà NLQ1.

Bà NLQ1 cùng hộ gia đình ông Huỳnh Văn BÐ thống nhất với trình bày về nội dung vụ án của ông BÐ. Bà NLQ1 không có ý kiến và trình bày bổ sung.

* Theo Biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, ông Phan Văn NLQ7 trình bày:

Ông NLQ7 là em vợ của ông Huỳnh Văn NĐ1. Vào khoảng sau năm 1990 (không nhớ rõ cụ thể thời gian), ông NLQ7 có cất một cái trại trên phần đất của ông NĐ1 (Gần phần đất ông NĐ1 và ông BÐ đang tranh chấp hiện nay) để chứa vật tư nông nghiệp canh tác lúa. Thời điểm này, ông NĐ1 cũng ở chung trại chứa phân bón, thuốc trừ sâu.

Theo ông NLQ7 biết ông NĐ1 có chuyển nhượng của ông U 02 diện tích đất: Thổ cư và lúa, hai diện tích đất này có khoảng cách là 100 mét. Diện tích đất đang tranh chấp thuộc đất thổ cư.

Từ khi ông NLQ7 cất trại trên đất của ông NĐ1, ông NĐ1 có canh tác đất lúa khoảng 3-4 năm, sau đó ông NĐ1 cho thuê đất lúa và về quê ở Long An sinh sống. Trong quá trình cất trại trên đất thổ cư của ông NĐ1, ông NLQ7 không biết ranh đất giữa đất ông NĐ1 và ông BÐ ở chỗ nào. Ông NĐ1 cũng không chỉ cho ông NLQ7 phần ranh đất giữa hai bên. Trước đây, ông NLQ7 thấy diện tích đất tranh chấp do ông NLQ5 (là cha ruột ông BÐ) canh tác lúa, sau một thời gian thấy ông BÐ đào hầm.

* Ông Huỳnh Văn NLQ5, bà Lê Thị NLQ4, anh Huỳnh Thông NĐ4, anh Huỳnh Thanh NLQ3, chị Huỳnh Thị Kim Ngân, ông Phan Văn NLQ7, ông Phan Văn Hón và Ủy ban nhân dân huyện N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về việc thụ lý vụ án và thụ lý vụ án bổ sung và các văn bản tố tụng nhưng các anh, chị, ông, bà và Ủy ban không có Văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, phản tố của bị đơn và nội dung vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn NĐ1, bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4, không tiếp tục

xem xét và giải quyết việc ông Huỳnh Văn BĐ trả lại cho ông NĐ1, bà NĐ2, ông NĐ3, ông NĐ4 diện tích đất có chiều ngang trước là 03 mét, chiều ngang sau là 3.2 mét, chiều dài một cạnh là 48.3 mét, một cạnh là 54 mét trong phạm vi các mốc 2 – 3 – 6 – 13 – 14 – 8 – 2 với tổng diện tích là 162m², thuộc 01 phần thửa 135, tờ bản đồ số 4.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn NĐ1, bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4 yêu cầu ông Huỳnh Văn BĐ trả lại diện tích đất 478m² thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 4.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn NĐ1 yêu cầu ông Huỳnh Văn BĐ bồi thường thiệt hại số tiền 23.400.000 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn BĐ.

5. Hộ ông Huỳnh Văn BĐ gồm: ông Huỳnh Văn BĐ, bà Nguyễn Thị NLQ1, anh Huỳnh Thông NĐ4, anh Huỳnh Thanh NLQ3, chị Huỳnh Thị Kim Ngân được tiếp tục sử dụng diện tích đất 478m² thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 4 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ ông Huỳnh Văn NĐ1. Diện tích đất nói trên trong phạm vi các mốc 9 – 10 – 14 – 7 – 8 – 9. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi diện tích đất 478m² thuộc một phần thửa 134, tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 vào ngày 25/8/2014 có số bìa BT 571553, số vào sổ cấp GCN: CH01405. Diện tích đất nói trên trong phạm vi các mốc 9 – 10 – 14 – 7 – 8 – 9. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Hòa Bình, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể:

+ Chiều ngang giáp đất của hộ ông Huỳnh Văn NĐ1 được đo từ mốc 9 đến mốc 8, cạnh 27.4 mét.

Mốc 8 có các điểm gờ: Điểm gờ 1 đo đến góc nhà tắm của gia đình ông Huỳnh Văn BĐ là 18.4 mét và 19.7 mét.

+ Chiều ngang giáp diện tích đường nước được đo từ mốc 10 đến mốc 14, cạnh 27.3 mét.

+ Chiều dài giáp thửa đất 133 được đo từ mốc 9 đến mốc 10, cạnh 17.1 mét.

+ Chiều dài còn lại giáp thửa đất 135 được đo từ mốc 8 đến mốc 7 đến mốc 14, cạnh 6.0 mét + 11.7 mét.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (Bổ sung) ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ bổ sung hiện

trạng đất tranh chấp ngày 15/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Văn NĐ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn NĐ1 (có bà Đoàn Thị Thiên Thanh T đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vì nguồn gốc đất tranh chấp do ông NĐ1 nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn U theo giấy tay năm 1993, đến năm 1999, ông NĐ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2014 tiếp tục được cấp đổi giấy chứng nhận, đến nay vẫn chưa bị thu hồi. Phần đất ông NĐ1 nhận chuyển nhượng có chiều ngang 80m, tương tự với mô hình các thửa đất khác tại địa phương. Tuy nhiên, sau khi làm đường chỉ còn lại 58m do ông BĐ đã đào ao lấn chiếm 478m². Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2001, từ sang nhượng năm 2001 cũng không có sổ tờ, sổ thửa, diện tích cụ thể.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn BĐ không đồng ý kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Vĩ C phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NĐ1 năm 1999 và cấp đổi năm 2014 không có đo đạc mà cấp theo bản đồ 299/TTg, được Ủy ban nhân dân huyện N xác nhận. Trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có kiểm tra hiện trạng, trên đất ông NĐ1 có căn nhà tạm nhưng giấy chứng nhận thể hiện không có nhà. Ông BĐ đã đào ao nuôi cá gần 10 năm, nhưng khi cấp đổi giấy chứng nhận năm 2014 cho ông NĐ1 cũng không thể hiện ao cá này. Khi hòa giải tranh chấp giữa ông NĐ1 với ông Huỳnh Văn NLQ6, Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình đã xác nhận việc cấp đất cho ông NĐ1 không đúng hiện trạng thực tế. Mặt khác, khi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận, ông NĐ1 kê khai nguồn gốc đất do Nhà nước cấp năm 1989 nhưng tại cấp sơ thẩm ông NĐ1 lại khai do nhận chuyển nhượng từ ông U năm 1993 là mâu thuẫn. Ngoài ra, sau khi được cấp giấy chứng nhận, ông NĐ1 đã để những người thân thích như ông Phan Văn NLQ7 và bà Phan Thị H1 (em vợ của ông NĐ1) ở lại trông coi đất. Ông NLQ7 đã xác nhận ông BĐ sử dụng đất tranh chấp lâu dài, ông NĐ1 có thường về thăm đất, nhưng không có ý kiến phản đối gì khi ông BĐ đào ao. Người làm chứng là ông Lý cũng xác nhận ông Huỳnh

Văn NLQ5 (cha ông BĐ) bị thu hồi và được bồi thường một phần đất tại vị trí đang tranh chấp khi Hợp tác xã Hòa L đào kênh để dẫn nước cho hợp tác xã.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị NLQ1 (có ông Huỳnh Văn BĐ đại diện theo ủy quyền) thống nhất ý kiến của bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thay đổi địa vị tố tụng của bị đơn từ ông Huỳnh Văn NLQ6 thành ông Huỳnh Văn BĐ mà không tạm ngừng phiên tòa để thực hiện các thủ tục thay đổi địa vị tố tụng và hòa giải lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự khai nhận Hợp tác xã Hòa L đào mương nước đi qua thửa đất tranh chấp, có bồi thường cho ông NLQ5 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Hợp tác xã Hòa L vào tham gia tố tụng để làm rõ vấn đề này là thiếu sót. Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ đất của ông U thực tế là bao nhiêu, vị trí phần đất ông U chuyển nhượng cho ông NLQ5 và ông NĐ1. Xét thấy, những thiếu sót trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là bà Phan Thị NĐ2, ông Huỳnh Hoàng NĐ3, ông Huỳnh Hoàng NĐ4 (có ông Huỳnh Văn NĐ1 đại diện theo ủy quyền), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn NLQ6, và Ủy ban nhân dân huyện N, đều xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt những đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn NĐ1 khởi kiện bị đơn là ông Huỳnh Văn NLQ6, và ông Huỳnh Văn BĐ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông NĐ1 cho rằng ông Huỳnh Văn BĐ là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nên thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định người bị kiện là ông Huỳnh Văn BĐ. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu thay đổi này của ông NĐ1, và xác định bị đơn trong

vụ án là ông Huỳnh Văn BĐ.

[2.1] Yêu cầu thay đổi người bị kiện của ông NĐ1 được thực hiện sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, và vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Tại Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, việc thay đổi vị trí tố tụng của đương sự xảy ra trong 02 trường hợp: (i) Nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu phản tố, (ii) Nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ yêu cầu độc lập. Đối chiếu với quy định trên, thì yêu cầu thay đổi người bị kiện của ông NĐ1 ngay tại phiên tòa sơ thẩm không thuộc trường hợp thay đổi vị trí tố tụng.

[2.2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất phải được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp trước khi khởi kiện đến Tòa án; Nếu chưa hòa giải thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 14/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã Hoà Bình thể hiện, thủ tục hòa giải được thực hiện để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông NĐ1 và ông NLQ6, không có sự tham gia của ông BĐ. Như vậy, tranh chấp giữa ông NĐ1 với ông BĐ chưa được hòa giải tại cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc thay đổi bị đơn, đồng thời xác định yêu cầu độc lập của ông BĐ trở thành yêu cầu phản tố là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục tố tụng. Lẽ ra, trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự, tạm ngừng phiên tòa và giải thích hướng dẫn cho đương sự thực hiện các thủ tục tiền tố tụng đối với tranh chấp đất đai giữa ông NĐ1 với ông BĐ khi xác định lại người bị kiện và yêu cầu của đương sự, nhưng không thực hiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Tại Tờ khai nguồn gốc đất ngày 25/9/1998 và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/9/1998, ông NĐ1 kê khai nguồn gốc đất là do Nhà nước cấp năm 1989, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông NĐ1 xác định việc kê khai nguồn gốc khi đăng ký quyền sử dụng đất là không đúng, mà phần đất trên là do ông NĐ1 nhận chuyển nhượng từ ông U. Ông Huỳnh Văn BĐ cũng trình bày nguồn gốc phần đất là nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn U, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng cứ thể hiện nguồn gốc đất, vị trí cụ thể và diện tích đất mà ông U đã chuyển nhượng (nếu có) cho ông NĐ1, ông BĐ. Do vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc có nhận chuyển nhượng đất từ ông U, nhưng lại chấp nhận lời trình bày của bị đơn về cùng nội dung trên là

chưa đủ cơ sở vững chắc.

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 09/01/1999, hộ ông Huỳnh Văn U được cấp quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 135, diện tích 3.216m^2 . Phần đất ông NĐ1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 134, diện tích 1.750m^2 . Ông NĐ1 trình bày nhận chuyển nhượng đất từ ông U từ năm 1993, có chiều dài 58,3m, chiều ngang 30m ($58,3\text{m} \times 30\text{m} = 1.749\text{m}^2$). Ông BĐ trình bày ông NLQ5 nhận chuyển nhượng đất từ ông U năm 1997 – 1998 với diện tích 30 công đất (1 công = 1.000m^2) là lớn hơn phần diện tích ông U được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, ông U có tờ sang nhượng đất cho ông BĐ có nội dung: “Với diện tích đất như sau: 32m; Phía Đông giáp Huỳnh Văn NLQ6; Phía Tây giáp Huỳnh Văn NĐ1; Phía Nam giáp Huỳnh Văn NLQ5; Phía Bắc giáp Kênh Phước Xuyên”, nhưng không thể hiện diện tích đất.

Do cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày, nên để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án cần phải thu thập chứng cứ làm rõ: Nguồn gốc phần đất của ông U có diện tích bao nhiêu; Diện tích và vị trí đất mà ông U đã chuyển nhượng cho ông NĐ1 và ông NLQ5; Thửa 135 (ông U được cấp giấy chứng nhận) và thửa 134 (ông NĐ1 được cấp giấy chứng nhận) là cùng một thửa hay là 02 thửa độc lập.

[5] Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự khai nhận: Năm 2005 – 2006, Hợp tác xã Hòa L đào đường nước cất diện tích đất của ông NLQ5 thành 02 phần: Phần đất giáp đất ông NĐ1 diện tích khoảng 500m^2 , và diện tích đất phía ngoài khoảng 500m^2 ông NLQ5 cho lại ông BĐ đào hầm nuôi cá. Khi Hợp tác xã Hòa L có đào mương ngang qua thửa đất 134 đang tranh chấp và có bồi thường cho ông NLQ5 nhưng không rõ diện tích. Do đó, cần đưa Hợp tác xã Hòa L vào tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ để làm rõ lời trình bày này mới đủ cơ sở giải quyết triệt để vụ án.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ khi giải quyết vụ án. Những thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Bản án sơ thẩm bị hủy với lý do nêu tại mục [6] nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung vụ án.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Huỳnh Văn NĐ1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn NĐ1.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn NĐ1 không phải chịu, hoàn trả cho ông Huỳnh Văn NĐ1 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004608 ngày 28/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (15);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP(5), 26b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Nhựt Bình